

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025- 2026

ĐỘ TUỔI 3 - 4 TUỔI

I. MỤC TIÊU - NỘI DUNG

Stt	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Điều chỉnh
I. Lĩnh vực phát triển thể chất			
	1. Phát triển vận động.		
	<i>a) Thực hiện được các động tác PT các nhóm cơ và hô hấp.</i>		
1.	- Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. + Hai cánh tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao + Hai tay đưa sang ngang, lên cao + Hai cánh tay chéo nhau về phía trước và ra sau + Từng tay đưa lên cao, hai tay dang ngang - Lung, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Đứng cúi về trước, ngả người ra sau + Đứng nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay đưa cao hoặc đặt sau gáy - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân + Đứng khuyu gối + Bật tách, chụm chân tại chỗ + Từng chân đưa lên trước, ra sau, sang ngang + Đứng nâng cao chân, gập gối + Bật lên trước, lùi lại, sang bên	
	<i>b. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động</i>		
2.	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) + Đi kiễng gót liên tục 3m.	+ Đi trong đường hẹp. + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát + Đi kiễng gót.	
3.	- Trẻ kiểm soát được vận động khi: + Đi/ chạy thay đổi	+ Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích đặt.	

Stt	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Điều chỉnh
	hướng tốc độ theo đúng hiệu lệnh. + Chạy liên tục trong đường dích dắc (3- 4 điểm dích dắc không chệch ra ngoài).		
4.	- Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: + Tung bắt bóng với cô bắt được 3 lần liên không rơi bóng. + Tự đập - bắt bóng được 2 lần liên (đường kính bóng 18cm).	+ Chuyên bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. + Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. + Tung bóng cho cô + Tự đập - bắt bóng. + Tung bóng lên cao bằng 2 tay	
5.	- Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Chạy được liên tục 15m theo hướng thẳng. + Ném trúng đích ngang (xa 1,5m). + Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.	+ Chạy được liên tục 15m theo hướng thẳng. + Ném xa bằng 1 tay. + Ném xa bằng hai tay + Ném trúng đích ngang(xa 1,5m). + Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) + Bò, trườn theo hướng thẳng, dích dắc. + Bò chui qua cổng. + Trườn chui qua cổng + Trườn về phía trước. +BAT tại chỗ. +BAT về phía trước. +BAT xa 20 - 25 cm. + Bước lên xuống bậc cao (cao 30cm)	
<i>c. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt</i>			
6.	- Trẻ có thể thực hiện được các vận động: + Xoay tròn cổ tay. + Gập, đan ngón tay vào nhau.	+ Gập, đan các ngón tay vào nhau. Quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. + Đan, tết. + Xé, dán giấy.	
7.	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, trong một số hoạt động: + Vẽ được hình tròn theo mẫu. + Cắt thẳng được một đoạn 10cm.	+ Xếp chồng các hình khối khác nhau. + Sử dụng kéo, bút + Tô vẽ nguệch ngoạc. + Cài, cởi cúc.	

Stt	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Điều chỉnh
	+ Xếp chồng 8-10 khối không đổ. + Tự cài, cởi cúc.		
	2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
	<i>a. Biết 1 số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</i>		
8.	- Trẻ biết nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh: (Thịt, cá, trứng, sữa, rau...)	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc tại trường mầm non và tại địa phương. (Thông qua các món ăn hàng ngày tại trường mầm non). - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. (Thông qua các món ăn và bữa ăn hàng ngày tại trường mầm non). - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng...).	
	- Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày như: Trứng rán, cá kho, canh rau.... - Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Thực hiện tuần lễ dinh dưỡng.	
	<i>b. Thực hiện được 1 số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</i>		
9.	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người khác: - Rửa tay, lau mặt, xúc miệng. - Tháo tất, cởi quần áo.... - Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách	
	<i>c. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</i>		
10.	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi.... - Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Chấp nhận: vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. (trang phục dân tộc Thái, Tày...) - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.	

Stt	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Điều chỉnh
	lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.		
<i>d, trẻ biết 1 số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</i>			
11.	- Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở. - Trẻ nhận biết được được một số nguồn lửa, vật dụng dễ gây cháy nổ. - Trẻ nhận biết các tín hiệu, phương tiện chữa cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy.	- Phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết được một số nguồn lửa (bếp ga, bếp củi) và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ (bếp ga, ổ điện...) - Nhận biết các tín hiệu (còi báo động), phương tiện chữa cháy (binh chữa cháy, thùng đựng nước...) và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy.	
	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, mương nước, bể chứa nước, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn (không tự ý ra ao, suối, giếng chơi...). - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ (Không đi theo người lạ, không nhận quà của người lạ khi chưa được người lớn cho phép). - Biết cách phòng tránh một số nguồn lửa (bếp ga, bếp củi) và một số sự cố có thể gây cháy, nổ.	

Stt	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Điều chỉnh
	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Không tự lấy thuốc uống, không ăn lá, quả lạ..... + Không leo trèo lên bàn ghế, lan can. + Không nghịch các vật sắc nhọn. + Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. + Trẻ biết cách phòng tránh một số nguồn lửa và một số sự cố có thể gây cháy, nổ.		
12.	- Nhận biết được các dạng thiên tai thường xảy ra nơi trẻ sinh sống. - Biết được mình phải nghe người lớn và làm theo những gì người lớn hướng dẫn. - Biết 1 số việc cần phải làm để tự đảm bảo sự an toàn cho bản thân như: né tránh nguy hiểm, thoát hiểm, biết chỗ trú ẩn nơi an toàn, biết cách cầu cứu, làm theo sự chỉ dẫn của người lớn, nhớ tên bố mẹ, số điện thoại cần thiết.	- Kỹ năng ứng phó phù hợp với trước, trong và sau thiên tai có ở địa phương (<i>Giông sét; mưa đá, động đất, gió lốc</i>)	
II. Phát triển nhận thức			

Stt	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Điều chỉnh
	1. Khám phá khoa học		
	<i>a, Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng</i>		
13.	- Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chú ý quan sát sự vật hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng. - Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi sờ, nếm...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. - Trẻ được làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát tìm hiểu đối tượng. VD: Thả các con vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi. - Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như: Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc với trẻ. - Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày gần gũi với trẻ như nước ao, hồ, ruộng, suối.. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày gần gũi với trẻ (bóng điện, ánh mặt trời). - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi với trẻ. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	
14.	- Trẻ phân loại được các đối tượng theo 1 dấu hiệu nổi bật.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 dấu hiệu nổi bật	
	<i>b, Trẻ nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.</i>		
15.	- Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ (<i>mưa đá, động đất, gió lốc, hạn hán...</i>).	
	<i>c, Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau</i>		

Stt	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Điều chỉnh
16.	- Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	
17.	Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	
18.	Trẻ làm quen với máy tính, chơi được 1 số trò chơi trong phần mềm Kidsmart	- Khám phá 1 số trò chơi trong phần mềm Kidsmart.	
2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
<i>a, Trẻ nhận biết số đếm, số lượng</i>			
19.	- Bước đầu trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng và đếm theo khả năng.	
20	- Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 - 1 và nhiều - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn	
	- Trẻ biết cách so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		
21	- Trẻ biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.		
	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.		
<i>b, Trẻ biết sắp xếp theo quy tắc</i>			
22	- Trẻ biết nhận ra	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.	

Stt	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Điều chỉnh
	quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ.	
	<i>c, Trẻ biết so sánh hai đối tượng</i>		
23	- Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn, bằng nhau	– So sánh 2 đối tượng về kích thước.	
24	- Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để ghép.	
	<i>e, Trẻ nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.</i>		
25	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	
	3. Khám phá xã hội		
	a. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
26	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.	
	- Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình (<i>cách gọi theo tiếng dân tộc Thái</i>)	
	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình (thôn, đội) khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Địa chỉ gia đình.	
	- Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	
	b, Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
27	- Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến của Điện Biên. (Đặc sản của địa phương: Gạo tám thơm, séné cù, nếp cẩm ...)	

Stt	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Điều chỉnh
	hỏi, xem tranh.		
	<i>c, Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh</i>		
28	- Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Tết Trung thu; Tết Nguyên Đán; ngày 20/10, ngày 22/12, Ngày 8/3; ngày 20/11; Lễ hội hoa Ban; ... qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Một số lễ hội: Tết trung thu, ngày hội của cô giáo 20/11... ngày lễ hội của Điện Biên (lễ hội hoa ban, ngày 7/5...)	
	- Trẻ biết kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở Điện Biên: Đồi A1, Hàm Đờ cát, ...	- Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh.	
	III. Phát triển ngôn ngữ		
	1. Nghe hiểu lời nói		
29	- Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, VD: “Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ”	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản	
	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi, đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc	
	- Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	
30	Trẻ nghe hiểu và trò chuyện về bình đẳng giới và một số quyền của trẻ em.	- Trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể làm cùng 1 nhiệm vụ giống nhau. - Nam giới và phụ nữ đều có thể làm cùng 1 công việc xã hội như nhau. - Một số quyền của trẻ em như quyền sống còn, quyền được phát triển, quyền bảo vệ và quyền được tham gia.	
	2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		
31	- Trẻ nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.	
	- Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào?	

Stt	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Điều chỉnh
	- Bước đầu trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	
32	- Trẻ biết kể lại sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	- Kể lại sự việc.	
33	- Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, kể truyện...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè, kể truyện,...	
34	- Trẻ biết kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Kể lại 1 vài tình tiết của truyện đã được nghe với sự giúp đỡ của cô giáo. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ của cô giáo.	
	- Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện dưới sự gợi ý của cô giáo.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	
35	- Trẻ biết sử dụng các từ: “Vâng ạ”, “Dạ”, “Thưa” trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	
	- Trẻ biết nói đủ nghe không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	
3. Làm quen với việc đọc – viết			
36	- Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ xem sách.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách. - Hoạt động phòng thư viện	
37	- Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	
38	- Trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt. - Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	
IV. Phát triển tình cảm kỹ năng xã hội			

Stt	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Điều chỉnh
1. Thể hiện ý thức bản thân			
39	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính.	
	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.	
2. Thể hiện sự tự tin tự lực			
40	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	
41	- Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc đơn giản được giao.	- Cố gắng hoàn thành công việc đơn giản được giao.	
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm con người, sự vật, hiện tượng xung quanh			
42	- Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh. - Trẻ biết bộc lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	
43	- Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ	- Kính yêu Bác Hồ. - Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	
		- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước, Điện Biên.	
4. Hành vi và qui tắc ứng xử xã hội			
44	- Trẻ thực hiện được một số quy định của lớp và gia đình: Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột - Chờ đến lượt.	
45	- Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn)	
46	- Trẻ biết chú ý nghe	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	

Stt	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Điều chỉnh
	khí cô, bạn nói.		
	5. Quan tâm đến môi trường		
47	- Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Quan sát cảnh vật thiên nhiên - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối gần gũi với trẻ.	
	- Biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. (không nuôi gia súc, gia cầm ở gầm sàn...) - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.	
		- Tiết kiệm điện, nước.	
V. Phát triển thẩm mỹ			
	1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp TNCS và các TPNT		
48	- Trẻ biết vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	-Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	
	- Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.		
	- Trẻ vui sướng, chỉ, sờ ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng) của các tác phẩm tạo hình.		
	2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và tạo hình		
49	- Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. - Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca của dân tộc thái, tày, nùng...)	
50	-Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa)	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	
51	Trẻ làm quen với đàn oocgan và đánh được	- Tắt mở đàn, nhớ vị trí và đánh được 1 số nốt nhạc.	

Stt	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Điều chỉnh
	1 số nốt nhạc theo yêu cầu của cô		
52	- Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	
53	- Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản.	
54	- Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	
55	- Biết lăn dọc, ấn dẹt đất nặn để nặn thành sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.		
56	- Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.		
57	- Trẻ nhận xét được các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình	
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật			
58	- Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).	
59	- Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích	
60	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Duyệt)

Thanh Yên, ngày 25 tháng 8 năm 2025
NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Nguyễn Hương Giang

Lò Thị Ngọc

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ
(Lớp 3 - 4 tuổi)

Thời gian (tháng, từ ngày ..đến ngày...)	ST T	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ /hội	Điều chỉnh bổ sung
(4 tuần) Từ ngày 08/9 đến 03/10/2025	1	Trường mầm non – tết trung thu	Trường MN thân yêu	1 tuần (Từ 08/9 - 12/9)	- Tết trung thu (Thứ 6, ngày 03/10)	
			Lớp học của bé	1 tuần (15/9-19/9)		
			Đồ dùng đồ chơi của lớp	1 tuần (22/9 -26/9)		
			Tết trung thu	1 tuần (29/9 -03/10)		
(4 tuần) từ ngày 06/10 đến 31/10/2025	2	Bản thân – Tết trung thu	Bạn có biết tên tôi	1 Tuần (06/10 -10/10)		
			Cảm xúc của bé	1 tuần (13/10 -17/10)		
			Cơ thể diệu kỳ của bé	1 tuần (20/10 - 24/10)		
			Tuần lễ dinh dưỡng của bé	1 tuần (Từ 27/10-31/10)		
(3 tuần) từ ngày 03/11 đến 21/11/2025	3	Gia đình của bé – Ngày 20/11	Những người thân yêu của bé	1 tuần (Từ 03/11-07/11)	- Ngày nhà giáo VN 20/11 (Thứ 5, ngày 20/11)	
			Đồ dùng gia đình bé	1 tuần (10/11-14/11)		
			Ngày hội của cô giáo	1 tuần (17/11-21/11)		
(4 tuần) từ ngày 24/11 đến 19/12/2025	4	Ngành nghề bé yêu - Ngày 22/12	Nghề xây dựng	1 tuần (24/11 – 28/11)		
			Nghề sản xuất	1 tuần (01/12-05/12)		
			Bé tập làm bác sỹ	1 tuần (08/12-12/12)		
			Bé tập làm chú bộ đội	1 tuần (15/12-19/12)		
(3 tuần) từ ngày 22/12 đến 09/1/2026	5	Những con vật bé yêu	M. số con vật nuôi trong gia đình	1 tuần (22/12-26/12)		
			M.số con vật sống trong rừng	1 tuần (29/12- 02/01)		
			M. số con vật sống dưới nước	1 tuần (05/01- 09/01)		
(5 tuần) từ ngày 12/01	6	TGTV - Tết	Một số loại hoa	1 tuần (12/01 - 16/01)		

đến 20/02/2026		Nguyên Đán	Một số loại quả	(1 tuần) (19/01 – 23/01)	- Ngày tết nguyên đán (Thứ 5, ngày 12/02)	
			Một số loại rau	1 tuần (26/01 – 30/01)		
			Mùa xuân	1 tuần (02/02 – 06/02)		
			Tết Nguyên đán	1 tuần (09/02- 13/02)		
(4 tuần) từ ngày 23/02 đến 20/3/2026	7	Ngày 8/3- PTGT	Một số PTGT đường hàng không	1 tuần (23/02 – 27/02)	- Ngày 8/3	
			Ngày hội 8/3	1 tuần (02/3 – 06/3)		
			Một số PTGT đường bộ	2 tuần (09/3 – 13/3) (16/3 - 20/3)		
(4 tuần) từ ngày 23/3 đến 17/4/2026	8	Nước và một số HTTN	Nước	2 tuần (23/3 – 27/3) (30/3 – 03/4)		
			Một số hiện tượng tự nhiên	2 tuần (06/4 – 10/4) (13/4 – 17/4)		
(4 tuần) từ ngày 27/4 đến 22/5/2026	9	Quê hương- Bác Hồ - Tết thiếu nhi	Quê hương Điện Biên	1 tuần (20/4 – 24/4)	- Ngày QT thiếu nhi 1/6 (Thứ 6 ngày 22/5)	
			Quê hương Điện Biên	1 tuần (04/5 – 08/5)		
			Bác Hồ của em	1 tuần (11/5 - 15/5)		
			Tết thiếu nhi	1 tuần (18/5 - 22/5)		
Tổng				35 tuần		